

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2022/DS-PT

Ngày: 27 - 6 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa và hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chế Linh

Các Thẩm phán: Bà Võ Bích Hải

Ông Bùi Thanh Quốc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DSST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 140/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nông trường H.

Địa chỉ: xã H, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Như Đình V; Chức vụ: Cán bộ pháp chế của Nông trường H là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07/6/2022)

- Bị đơn: Ông Dương Quang L; cư trú tại: xã H, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Ngọc N; cư trú tại: xã T, huyện L, thành phố Cần Thơ.

- Người kháng cáo: Ông Dương Quang L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có đại diện theo ủy quyền là ông Trần Như Đình V trình bày:

Nguyên trước đây, ông Dương Quang L có mua bán tấm cám của phân xưởng chế biến lương thực 4 trực thuộc Nông trường H và nợ tiền. Ngày 08/01/2002 phía bị đơn đã đối chiếu và xác nhận nợ với Phân xưởng chế biến lương thực 4 số tiền 735.600.000 đồng, ngày 16/4/2009 bị đơn tiếp tục xác nhận vẫn nợ Phân xưởng chế biến lương thực 4 số tiền 735.600.000 đồng. Ngoài ra, bị đơn còn nợ tiền vay, tiền mua thức ăn gia súc của Nông trường H số tiền 151.324.991 đồng. Tổng cộng hai khoản nợ trên bị đơn nợ Nông trường H 886.924.991 đồng. Ngày 03/5/2012 phía bị đơn xác nhận nợ nguyên đơn số tiền 886.924.991 đồng. Phía nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn nhưng phía bị đơn vẫn không thực hiện. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Dương Quang L có trách nhiệm thanh toán cho Nông trường H số tiền 886.924.991 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Dương Quang L trình bày:

Bị đơn thống nhất với trình bày của nguyên đơn về việc bị đơn có mua tấm cám của Phân xưởng chế biến lương thực 4 và nợ số tiền 735.600.000 đồng. Ngoài ra, bị đơn còn nợ tiền mua thức ăn gia súc và vay nợ nguyên đơn với tổng số tiền 151.324.991 đồng. Nay, trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn có ý kiến như sau:

- Bị đơn thống nhất và đồng ý trả số tiền nợ mua thức ăn gia súc và vay của nguyên đơn số tiền 151.324.991 đồng.

- Đối với số tiền 735.600.000 đồng bị đơn xác định không nợ Nông trường H mà bị đơn nợ Phân xưởng chế biến lương thực 4 nên không đồng ý trả số tiền này cho nguyên đơn. Bị đơn có giao tài sản nhà và đất cho bà Trần Ngọc N đại diện Phân xưởng chế biến lương thực 4 nhận để đảm bảo số nợ 735.600.000 đồng. Hiện tại, bị đơn và bà N đang tranh chấp tài sản nhà và đất này, sau khi giải quyết xong phía bà N giao tài sản nhà và đất thì bị đơn mới đồng ý trả số tiền này cho nguyên đơn. Các bản đối chiếu công nợ với nguyên đơn đúng là chữ ký của ông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc N vắng mặt, có ý kiến yêu cầu xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án bà N trình bày: Do bà bị bệnh nên không trả lời các câu hỏi do Tòa án ủy thác. Về nội dung vụ án giữa ông Dương Quang L với Nông trường H thì bà xác định không nhớ rõ, cũng không có ý kiến gì đối với tranh chấp các bên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DSST ngày 30 tháng 3 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Đ đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nông trường H. Buộc bị đơn ông Dương Quang L có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số nợ 886.924.991 đồng.

Về lãi suất chậm trả giai đoạn thi hành án: Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Dương Quang L chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho ông Dương Quang L do người cao tuổi. Nguyên đơn Nông trường H được nhận lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 004313 ngày 09/6/2010 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận M.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 13 tháng 4 năm 2022, bị đơn cho rằng bị đơn chỉ nợ tiền của phân xưởng 4 chứ không nợ tiền của Nông trường H. Khoản nợ của phân xưởng 4 thì bị đơn đã thanh toán xong nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn. Các bên không thương lượng được việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Hoạt động tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, qua phân tích các tình tiết, sự kiện của vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ cho rằng, bị đơn kháng cáo nhưng không có căn cứ mới để chứng minh. Tòa án đã giải quyết đúng về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy, các bên tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa và hợp đồng vay tài sản. Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn kháng cáo, bị đơn không kháng cáo về con số nợ vốn và nợ lãi mà cho rằng khoản nợ mua bán đã được thanh toán cho Phân xưởng chế biến lương thực số 4. Về số liệu, Bản án sơ thẩm đã xác định số nợ vốn và nợ lãi phù hợp với các xác nhận nợ của bị đơn. Do vậy, số nợ vốn được xác định là 886.924.991 đồng. Số nợ này được tính lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Phân xưởng chế biến lương thực số 4 là đơn vị sản xuất, kinh doanh trực thuộc Nông trường H. Vấn đề này được các bên xác định. Các bảng đối chiếu công nợ lập ngày 08/01/2002 và bản xác nhận nợ lập ngày 03/5/2012 thể hiện bị đơn xác định số nợ trên với Nông trường H. Mặt khác, tại đơn phản tố của ông L (Bút lục 66) trong vụ kiện dân sự trước đây giữa bà Trần Ngọc N trong vụ tranh chấp quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất, ông L yêu cầu bà N

trả lại nhà, đất, còn ông sẽ trả các khoản nợ trên cho Nông trường H. Như vậy, quan hệ mua bán, vay nợ là có thật và nghĩa vụ đã được xác định theo sự thừa nhận của bị đơn tại các bản đối chiếu công nợ và các tài liệu liên quan. Theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì ông L phải có nghĩa vụ hoàn trả cả nợ gốc và lãi. Do đó, ông L kháng cáo để phủ nhận nghĩa vụ trả nợ cho Nông trường H là không có căn cứ. Bản án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn có trách nhiệm trả nợ là đúng tuy nhiên việc tuyên mức lãi suất cơ bản là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, cần điều chỉnh lại phần lãi suất.

[4] Riêng đối với yêu cầu của bị đơn về việc đòi lại nhà, đất đối với bà Trần Ngọc N, thấy rằng, theo Quyết định tách vụ án số 07/2019/QĐ-PT ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thì tranh chấp này được tách thành vụ án độc lập. Tiếp đó, hồ sơ vụ án được chuyển đến Tòa án nhân dân quận M theo Quyết định chuyển vụ án số 17/2020/QĐ.CVA ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ. Do vậy, trong trường hợp vụ kiện chưa giải quyết xong thì ông L liên hệ đến Tòa án nhân dân quận M để yêu cầu giải quyết vụ kiện.

[5] Về án phí, bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm cũng như sơ thẩm. Hồ sơ thể hiện, ngoài việc tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 04313 ngày 09/6/2010 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận M, nguyên đơn còn nộp tạm ứng án phí bổ sung theo Biên lai thu số 003282 ngày 16/5/2012 nên cần giải quyết cho nguyên đơn nhận lại theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 886.924.991 đồng (Tám trăm tám mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi bốn ngàn, chín trăm chín mươi một đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Dương Quang L chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho ông Dương Quang L do người cao tuổi. Nguyên đơn được nhận lại 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 004313 ngày 09/6/2010 và số tiền 22.150.000 đồng (Hai mươi hai triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu số 003282 ngày 16/5/2012 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận M.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND huyện Cờ Đỏ;
- THADS huyện Cờ Đỏ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Chế Linh